

Bản án số: 37/2019/HS-ST
Ngày 21 / 11 / 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Phước Công;

Bà Phan Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Tôn Văn Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Thị Bé G, sinh năm 1985, tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 3/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn P (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ; có chồng là Nguyễn Thành T1 và 02 con sinh năm 2007, 2014;

Tiền án, tiền sự: chưa;

Bị tạm giữ từ ngày 21/9/2019 đến ngày 27/9/2019 chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt.

- Bị hại:

+ Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1986; nơi cư trú: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1992; nơi cư trú: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ông Nguyễn Thành T1, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

+ Bà Bùi Thị Kim T2, sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị Thúy H, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

+ Bà Trần Thị Kim O, sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1971; nơi cư trú: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh năm 1980; nơi cư trú: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

+ Bà Cao Thị Kim H2, sinh năm 1986; nơi cư trú: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Bà Lê Thị T3; có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn M; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 20/9/2019, Lê Thị Bé G đến nhà của vợ chồng Nguyễn Thị N, Nguyễn Thành T (em chồng của G) ở ấp A, xã H, huyện C, để xin gia vị về nấu ăn, nhưng không gặp N và T. G quan sát thấy cửa nhà chính bị khóa, cửa hông còn mở nên nảy sinh trộm cắp tài sản để trả nợ và có tiền tiêu xài. G đi vào phòng ngủ của N và T, lục soát trong các tủ tìm tài sản lấy trộm 01 sợi dây chuyền kiểu chữ cong vàng 18 kara trọng lượng 01 chỉ 05 phân 03 ly, 01 sợi dây chuyền kiểu khoen lật vàng 24 kara trọng lượng 03 chỉ 09 phân, 02 nhẫn kiểu tròn trơn vàng 24 kara trọng lượng 04 chỉ, 01 vòng đeo tay kiểu chạm vàng 18 kara trọng lượng 01 chỉ 07 phân 06 ly, tiền mặt 19.500.000 đồng để toàn bộ vào 02 túi quần và lấy trộm 01 con heo đất bên trong có số tiền 1.600.000 đồng, đem về nhà cất giấu. Sau đó, G gặp Lê Thị T3 (mẹ chồng của G) nói dối nhà G vừa bị kẻ trộm đột nhập nhưng không mất gì, T3 kêu G gọi điện thoại cho T về nhà để kiểm tra thì phát hiện bị mất trộm vàng, tiền đã nêu trên, nên T trình báo Công an.

Ngày 21/9/2019, G lấy số tiền trộm cắp được của N và T trả cho Bùi Thị Kim T2 1.227.000 đồng, Phạm Thị Thúy H 2.000.000 đồng, Trần Thị Kim O

1.200.000 đồng, Nguyễn Thị Thu N 2.000.000 đồng, Nguyễn Thị Mỹ H1 5.400.000 đồng, Cao Thị Kim H2 300.000 đồng và tiêu xài cá nhân 2.373.000 đồng, tổng cộng hết 14.500.000 đồng. Sau đó, Giang nói cho Nguyễn Thành T1 (chồng của G) biết việc G lấy trộm vàng, tiền của N và T, chỉ T1 nơi cất giấu tài sản, nên T1 mang số vàng và 1.600.000 đồng trong con heo đất trả lại cho N và T. Khoảng 13 giờ cùng ngày, G đến nhà T trả thêm 5.000.000 đồng và đến Công an xã H đầu thú. G bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Mới tạm giữ.

- Vật chứng thu giữ và xử lý vật chứng: Thu giữ 01 sợi dây chuyền kiểu chữ cong vàng 18 kara trọng lượng 01 chỉ 05 phân 03 ly; 01 sợi dây chuyền kiểu khoen lật vàng 24 kara trọng lượng 03 chỉ 09 phân; 02 nhẫn kiểu tròn trơn vàng 24 kara trọng lượng 04 chỉ; 01 vòng đeo tay kiểu chạm vàng 18 kara trọng lượng 01 chỉ 07 phân 06 ly và số tiền 12.100.000 đồng (G nộp 5.000.000 đồng, T1 1.600.000 đồng, H 2.000.000 đồng, O 1.200.000 đồng, N1 2.000.000 đồng, H2 300.000 đồng), hiện đã trao trả cho N và T.

- Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 46/KL-HĐĐG ngày 25/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C: 01 sợi dây chuyền kiểu chữ cong vàng 18 kara trọng lượng 01 chỉ 05 phân 03 ly, có giá 3.809.700 đồng; 01 sợi dây chuyền kiểu khoen lật vàng 24 kara trọng lượng 03 chỉ 09 phân, có giá 16.263.000 đồng; 02 nhẫn kiểu tròn trơn vàng 24 kara trọng lượng 04 chỉ, có giá 16.680.000 đồng; 01 vòng đeo tay kiểu chạm vàng 18 kara trọng lượng 01 chỉ 07 phân 06 ly, có giá 4.382.400 đồng. Tổng cộng 41.135.100 đồng.

Tại Cáo trạng số 36/CT-VKS ngày 30 tháng 10 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới đã truy tố bị cáo Lê Thị Bé G về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Bên cạnh đó, bị cáo còn khai, số tiền 5.000.000 đồng mà bị cáo trả cho bị hại là số tiền bị chiếm đoạt còn lại. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, xin Hội đồng xét xử xử phạt nhẹ.

- Bị hại ông Nguyễn Thành T, bà Nguyễn Thị N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Thành T1, người làm chứng bà Lê Thị T3, ông Nguyễn Văn M cung cấp lời khai như đã khai trong giai đoạn điều tra.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ nên đề nghị xử phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 03 năm tù.

Về hình phạt bổ sung, do bị cáo không có tài sản, không nghề nghiệp nên đề nghị không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự, do các bị hại không yêu cầu bồi thường nên đề nghị không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chợ Mới, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo, bị cáo Lê Thị Bé G khai nhận, khoảng 09 giờ ngày 20/9/2019, bị cáo đến nhà của vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Thành T để xin gia vị về nấu ăn. Do không gặp bà N, ông T và quan sát thấy cửa hông còn mở nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để trả nợ và tiêu xài. Bị cáo đi vào phòng ngủ của bà N, ông T mở các tủ phát hiện và lấy trộm 01 sợi dây chuyền kiểu chữ cong, 01 sợi dây chuyền kiểu khoen lật, 02 nhẫn kiểu tròn trơn, 01 vòng đeo tay kiểu chạm, tiền mặt 19.500.000 đồng, để vào 02 túi quần và lấy trộm 01 con heo đất bên trong có số tiền 1.600.000 đồng rồi đem về nhà cất giấu.

Sau đó, bị cáo gặp bà Lê Thị T3 nói dối nhà của bị cáo vừa bị kẻ trộm đột nhập nhưng không mất tài sản. Do bà T3 nhờ nên bị cáo gọi điện thoại kêu ông T về nhà để kiểm tra. Ông T phát hiện bị mất trộm vàng, tiền nên trình báo Công an.

Ngày 21/9/2019, bị cáo dùng số tiền trộm cắp được trả nợ cho nhiều người gồm: bà Bùi Thị Kim T2 1.227.000 đồng, bà Phạm Thị Thúy H 2.000.000 đồng, bà Trần Thị Kim O 1.200.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thu N1 2.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Mỹ H1 5.400.000 đồng, bà Cao Thị Kim H2 300.000 đồng và tiêu xài cá nhân 2.373.000 đồng. Sau đó, bị cáo nói cho ông Nguyễn Thành T1 (chồng của bị cáo) biết việc bị cáo lấy trộm vàng, tiền của bà N, ông T, chỉ nơi cất giấu tài sản nên ông T1 mang số vàng và 1.600.000 đồng trong con heo đất trả lại cho bà N, ông T. Khoảng 13 giờ cùng ngày, bị cáo trả thêm cho ông T 5.000.000 đồng và đến Công an xã H đầu thú.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo ở giai đoạn điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác gồm: biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 03/10/2019 cùng sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường kèm theo do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Mới lập; lời khai của bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Thành T về việc bị cáo lấy trộm các tài sản như bị cáo khai nhận. Sau đó, bà N, ông T đã nhận lại toàn bộ số vàng bị mất trộm và 12.100.000 đồng; lời khai của bà Lê Thị T3 về việc được bị cáo cho biết nhà của bị cáo bị trộm đột nhập nhưng không mất tài sản. Bà T3, bị cáo sang nhà của ông T, bà N thì thấy cửa tủ quần áo bị mở nên điện thoại cho ông T về kiểm tra, phát hiện bị mất trộm tài sản; lời khai của ông Nguyễn Văn M về việc nghe ông T truy hô mất trộm nên đến nhà của ông T xem thì thấy cửa tủ nhôm trong phòng ngủ bị mở, đồ đạc bị xáo trộn; lời khai của ông Nguyễn Thành T1 về việc được bị cáo điện thoại cho biết đã lấy trộm vàng, tiền của bà N, ông T và chỉ nơi cất giấu tài sản nên ông T1 đem trả toàn bộ số vàng và 01 con heo đất bên trong có 1.600.000 đồng cho bà N, ông T; lời khai của các bà Bùi Thị Kim T2, Phạm Thị Thúy H, Trần Thị Kim O, Nguyễn Thị Thu N1, Nguyễn Thị Mỹ H1 và Cao Thị Kim H2 về việc được bị cáo trả nợ nhưng không biết số tiền mỗi người đã nhận là do trộm cắp mà có. Theo đó, bà T2 được trả 1.227.000 đồng, bà H được trả 2.000.000 đồng, bà O được trả 1.200.000 đồng, bà N1 được trả 2.000.000 đồng, bà H1 được trả 5.400.000 đồng và bà H2 được trả 300.000 đồng.

Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác định, khi phát hiện chủ sở hữu sơ hở trong việc bảo quản tài sản, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của bà N, ông T.

Theo Kết luận định giá tài sản số 46/KL-HĐĐG ngày 25/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, toàn bộ số vàng bị chiếm đoạt trị giá 41.135.100 đồng. Cùng với số tiền 21.100.000 đồng bị chiếm đoạt, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 62.235.100 đồng.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của bà N, ông T là xâm phạm quyền sở hữu của người khác nhưng vẫn cố ý thực hiện thông qua việc lợi dụng lúc tài sản không có người trông giữ, nhanh chóng mang tài sản đi nơi khác cất giấu, nói dối bị mất trộm, không nói rõ nguồn gốc tài sản khi tiêu thụ và sự thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài

sản” với tình tiết định khung tăng nặng “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, quyền sở hữu là một trong những quyền thiêng liêng gắn với mỗi cá nhân, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Trong lĩnh vực luật hình sự, những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Bị cáo là người đang ở tuổi lao động. Đáng lẽ, bị cáo phải tìm cho mình một công việc phù hợp để nuôi sống bản thân, gia đình nhưng vì hám lợi, bị cáo trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang cho những người dân sống xung quanh nơi xảy ra sự việc. Do đó, cần có hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, đầu thú và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đồng thời, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Vì vậy, cần xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Về hình phạt bổ sung, do bị cáo không có nghề nghiệp, thuộc thành phần lao động nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, các bà Bùi Thị Kim T2, Phạm Thị Thúy H, Trần Thị Kim O, Nguyễn Thị Thu N1, Nguyễn Thị Mỹ H1, Cao Thị Kim H2 đã có hành vi nhận tiền do phạm tội mà có từ bị cáo nhưng không biết nguồn gốc số tiền đã nhận. Đồng thời, các bà H, O, N1, H2 đã tự nguyện giao nộp số tiền đã nhận. Cho nên, trách nhiệm hình sự không đặt ra đối với các bà T2, H, O, N1, H1, H2 là phù hợp quy định pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra giao trả lại cho bà N, ông T số vàng, 6.600.000 đồng bị chiếm đoạt, số tiền 5.500.000 đồng do các bà H, O, N1, H2 giao nộp là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên không đề cập xử lý lại.

Bà T2, bà H1 ngay tình trong việc nhận tiền do bị cáo trả nợ nên không buộc bà T2, bà H1 giao nộp sung quỹ số tiền đã nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi nhận số vàng, số tiền 6.600.000 đồng bị chiếm đoạt cùng số tiền 5.500.000 đồng do các bà H, O, N1, H2 giao nộp, bà N, ông T không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền bị chiếm đoạt không thu hồi được. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết về vấn đề dân sự trong vụ án hình sự.

Quan hệ vay tài sản giữa bị cáo với các bà H, O, N1, H2 sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khi các bên có tranh chấp.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Bé G phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: Lê Thị Bé G: 02 (hai) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị tạm giữ, ngày 21/9/2019 (*ngày hai mươi mốt, tháng chín, năm hai nghìn không trăm mười chín*).

2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lê Thị Bé G phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, ông Nguyễn Thành T, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Thành T1 có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Bùi Thị Kim T2, bà Phạm Thị Thúy H, bà Trần Thị Kim O, bà Nguyễn Thị Thu N1, bà Nguyễn Thị Mỹ H1, bà Cao Thị

Kim H2 là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp;
- Nhà Tạm giữ Công an H. C;
- CQTHAHS Công an H. C;
- CQĐT Công an H. Chợ Mới;
- Chi cục THADS H. C;
- Bộ phận THA Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình